

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 5642/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO với quy mô 5.600 nái; 156.700 lợn con giống/năm; 9.800 con lợn hậu bị phát triển đàn/năm và 77.400 lợn thịt thương phẩm/năm tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 07/CVMT-DBC ngày 24/10/2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án trên;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 933/Tr-STNMT ngày 26 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam, địa chỉ tại số 35 Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Khu chăn nuôi số 5 và 6 (quy mô 35.970 con lợn thịt/năm) thuộc dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO với quy mô 5.600 nái; 156.700 lợn con giống/năm; 9.800 con lợn hậu bị phát triển

đàn/năm và 77.400 lợn thịt thương phẩm/năm, tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Khu chăn nuôi số 5 và 6 (quy mô 35.970 con lợn thịt/năm) thuộc dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO với quy mô 5.600 nái; 156.700 lợn con giống/năm; 9.800 con lợn hậu bị phát triển đàn/năm và 77.400 lợn thịt thương phẩm/năm, tại xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/7/2022.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2300105790.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Kinh doanh và chăn nuôi gia súc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích toàn bộ khu vực dự án: 521.287 m².

- Công suất: Khu chăn nuôi số 5,6 thuộc dự án xin được cấp giấy phép môi trường có quy mô nuôi 35.970 con lợn thịt thương phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Yêu cầu về quản lý nước thải và bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với mùi, tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **7 năm.**

(từ ngày 10 tháng 11 năm 2022 đến ngày 10 tháng 11 năm 2029).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thạch Thành và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Cty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thạch Thành (để theo dõi);
- UBND xã Thạch Tượng và xã Thạch Lâm;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU QUẢN LÝ NƯỚC THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân có lưu lượng 11 m³/ngày.đêm được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 650 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Nguồn số 2: Nước thải từ các chuồng nuôi có lưu lượng 220 m³/ngày.đêm được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 650 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường được tuần hoàn, tái sử dụng 100% cho hoạt động chăn nuôi, không thải ra môi trường.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nước thải của trang trại sau xử lý được dẫn về hồ chứa phục vụ tuần hoàn trở lại sản xuất, không được xả nước thải ra môi trường.

2.2. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B, K_q = 0,6; K_f = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54	
3	COD	mg/l	162	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	81	
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	81	
6	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Nước thải sinh hoạt bao gồm: nước thải từ nhà vệ sinh, nhà bếp, tắm giặt của công nhân viên được xử lý sơ bộ bằng 06 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích mỗi bể 4,0 m³/bể), 01 bể tách dầu mỡ bằng Inox (dung tích 350 lít) và được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D300 về Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 650 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải chăn nuôi bao gồm: Nước tiêu của lợn và nước rửa chuồng được thu gom bằng hệ thống cào phân tự động về hố thu gom phân để tách phân và nước thải. Nước thải sau khi tách phân bằng máy tách phân được dẫn vào bể tuyển nổi trước khi đưa vào hệ thống 02 hầm biogas phủ bạt HDPE. Nước thải sau hầm biogas được dẫn về bể điều tiết và bơm theo đường ống nhựa PVC D300 về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ quá trình xử lý mùi chuồng nuôi được thu gom bằng hệ thống rãnh thu gom nước thải về hồ chứa nước thải.

- Nước thải từ hệ thống làm mát chuồng nuôi được tuần hoàn tái sử dụng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố thu gom phân và nước thải → Máy tách phân → Bể tuyển nổi → Hầm biogas HDPE → Bể điều tiết → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng rãnh răng cưa → Bể phản ứng 1/2 → Bể phản ứng kéo dài → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng lamen → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải → Tuần hoàn, tái sử dụng 100%.

- Công suất thiết kế: 650 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: CaO, FeSO₄, H₂O₂, PAC, PAM (polimer), NaOCl (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt .

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí hồ sự cố có thể tích 4.000 m³ (diện tích 1.600 m², sâu 2,5m), phủ bạt lót đáy chống thấm để lưu giữ nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như: máy bơm, bơm định lượng hóa chất và thiết bị xử lý khác. Thường xuyên kiểm tra đường ống nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố trong hệ thống xử lý nước thải.

- Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng, ngừng tiếp nhận nuôi lợn lứa tiếp theo để khắc phục.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ hằng năm thực hiện, duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định..

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm là 05 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.3 Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hàm Biogas phủ bạt, Hệ thống thu gom, xử lý nước thải công suất 650 m³/ngày.đêm.

2.4. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải tại sau bể tuyển nổi (đầu vào).

- Mẫu nước thải tại hồ chứa nước thải cuối cùng (đầu ra).

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.6 Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Sau thời gian tối đa 2 tháng kể từ ngày bắt đầu cho phép vận hành thử nghiệm mới được bơm nước thải từ hàm biogas về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý và phục vụ công tác lấy mẫu đánh giá nhưng phải đảm bảo thời gian vận hành thử nghiệm theo quy định. Khẩn trương xây dựng hoàn thiện hồ sơ cố môi trường đối với nước thải trước ngày 30/12/2022. Nếu quá thời hạn vận hành thử nghiệm đã cho phép trong Giấy phép này mà Công ty chưa hoàn thiện hồ sơ cố môi trường thì phải dừng hoạt động chăn nuôi để đầu tư đầy đủ theo quy định.

3.2. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thạch Thành để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.3. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng, không được xả thải ra môi trường dưới mọi hình thức, kể cả trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và chịu trách nhiệm về việc tái sử dụng nước thải trong quá trình hoạt động.

3.5. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ lò đốt xác lợn chết (không thường xuyên), lưu lượng 1.000 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng (không thường xuyên) lưu lượng 5.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải số 01: Tọa độ vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động của lò đốt xác lợn chết (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X = 2247693.92; Y = 549932.20.

- Vị trí xả thải số 02: Tọa độ vị trí xả khí thải từ hoạt động của máy phát điện (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X = 2247997.02; Y = 550071.19.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.000 m³/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/h.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi vận hành lò đốt xác lợn chết.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi vận hành máy phát điện.

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:

- Dòng khí thải số 01: Chất lượng khí thải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 30:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100	Không thuộc đối tượng phải quan

2	CO	mg/Nm ³	250	trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	NO _x (theo NO ₂)	mg/Nm ³	500	
4	SO ₂	mg/Nm ³	250	
5	HCl	mg/Nm ³	50	
6	Tổng hydrocacbon, HC	mg/Nm ³	50	

- Dòng khí thải số 02: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1,0 và Kv = 1,4), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	280	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	CO	mg/Nm ³	1400	
3	NO _x	mg/Nm ³	1190	
4	SO ₂	mg/Nm ³	700	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Khí thải từ hoạt động của lò đốt xác lợn chết được thu gom bằng quạt hút vào hệ thống xử lý khí thải và thải ra môi trường qua ống khói cao 6,0m.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua ống khói cao 4,0 m kèm theo máy phát điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Lò đốt xác lợn chết: Lò đốt 02 cấp (buồng sơ cấp và thứ cấp), khí thải sau buồng thứ cấp được quạt hút dẫn ra ống thoát khí cao 6,0 m.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng: Được xử lý bằng hệ thống đầu tư đồng bộ với thiết bị máy trước khi thải ra môi trường

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của lò đốt, hoạt động của máy phát điện để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trang bị thiết bị theo dõi, báo khí biogas tự động và xả khí biogas tự động đối với hàm biogas phủ bạt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Đầu tư bổ sung hệ thống xử lý mùi (khí thải) lò đốt xác lợn chết, quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → quạt hút → bồn hấp thụ → ống thoát khí thải. Thời gian hoàn thành trước khi hết thời gian vận hành thử nghiệm.

Thiết bị sử dụng: 01 quạt hút khí thải công suất 4KW, lưu lượng 2000 m³/h; 01 bồn hấp thụ bằng vật liệu inox, kích thước 1,5mx1,5mx1,0m; 01 ống thoát khói Inox, đường kính D300, cao 6,0m.

Hóa chất sử dụng: Ca(OH)₂ (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 1.1. Nguồn số 01: Máy phát điện.
- 1.2. Nguồn số 02: Máy thổi khí biến tần của hệ thống xử lý nước thải.
- 1.3. Nguồn số 03: Máy bơm nước thải của hệ thống xử lý nước thải.
- 1.4. Nguồn số 04: Hệ thống quạt hút, giàn làm mát tại các chuồng nuôi số 5.
- 1.5. Nguồn số 05: Hệ thống quạt hút, giàn làm mát tại các chuồng nuôi số 6.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

(theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°):

TT	Vi trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Máy phát điện	X = 2247997.02 Y = 550071.51
2	Máy thổi khí biến tần của hệ thống xử lý nước thải	X = 2247931.76 Y = 550071.77
3	Máy bơm nước thải của hệ thống xử lý nước thải	X = 2247929.80 Y = 550073.56
4	Hệ thống quạt hút, giàn làm mát tại các chuồng nuôi số 5	X = 2247921.77 Y = 550248.92
5	Hệ thống quạt hút, giàn làm mát tại các chuồng nuôi số 6	X = 2247775.88 Y = 549867.96

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		

	(dBA)	(dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân. Khoảng cách đến các công trình trên tối thiểu là 10m.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	17 02 03	10
2	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	18 02 01	20
3	Bơm kim tiêm đã qua sử dụng hoặc dính các thành phần lây nhiễm nguy hại	13 02 01	5
4	Các thiết bị vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	13 03 02	120
5	Chai lọ đựng thuốc sát trùng, chế phẩm khử mùi, hóa chất xử lý môi trường	18 01 03	80
6	Mực in	16 01 09	5
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	15
Tổng khối lượng			255

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phân lợn	4.702.500
2	Bùn thải từ hầm biogas, hệ thống xử lý nước thải	290.000
Tổng khối lượng		4.992.500

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	33,58
Tổng khối lượng		33,58

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 28,4m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng. Khu vực để chất thải nguy hại sẽ được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị thu gom:

- 03 máy ép phân có công suất 5,0 tấn/ngày
- 02 máy ép bùn có công suất 5,0 tấn/ngày

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng nhà kho lưu chứa phân và bùn thải được bố trí bên cạnh mỗi dãy chuồng nuôi gồm 02 kho có diện tích 57,65 m²/kho.
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn.

2.2.3. Tại khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường: Vệ sinh và phun khử mùi hàng ngày.

2.2.4. Chuyển giao và xử lý chất thải:

- Việc sử dụng phân thải chuồng trại và bùn thải từ hệ thống biogas, hệ thống xử lý nước thải làm phân bón phải tuân thủ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng có nắp đậy 40 lít, 60 lít

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng khu tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí gần khu vực công vào dự án có diện tích 12,0m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn.

2.3.3. Tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Vệ sinh và phun khử mùi hằng ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Bố trí hồ chôn lấp lợn chết diện tích 1.000 m².

2. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải.

3. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố lợn chết do dịch bệnh và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn giống và thương phẩm ứng dụng công nghệ cao DABACO có quy mô 5.600 nái; 156.700 lợn con giống/năm; 9.800 con lợn hậu bị phát triển đàn/năm và 77.400 lợn thịt thương phẩm/năm. Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ khu chăn nuôi số 5 và 6 với quy mô là 35.970 con lợn thương phẩm/năm. Giai đoạn tiếp theo, Công ty phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án.

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của Dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

1.1. Hạng mục, công trình phục vụ chăn nuôi

a) Hạng mục công trình chăn nuôi chính: Khu chăn nuôi số 1, khu chăn nuôi số 2, khu chăn nuôi số 3 và khu chăn nuôi số 4 với tổng diện tích là 182.649 m²; trong đó,

b) Hạng mục công trình phụ trợ: Bãi tập kết xe diện tích 1.400 m²; Nhà để xe máy 88,8 m²; Nhà khử trùng khối điều hành diện tích 88,7432 m²; Bãi tập kết chất thải diện tích 734m².

c) Quy mô chăn nuôi:

Sau khi hoàn thành và đưa dự án đi vào hoạt động ổn định, quy mô chăn nuôi ổn định cho toàn dự án là quy mô 5.600 nái; 156.700 lợn con giống/năm; 9.800 con lợn hậu bị phát triển đàn/năm và 77.400 lợn thịt thương phẩm/năm.

1.2. Hạng mục, công trình bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống công trình xử lý nước thải cho khu chăn nuôi số 1 công suất 120 m³/ngày; hệ thống công trình xử lý nước thải cho khu chăn nuôi số 2 công suất 130 m³/ngày.

- Xây dựng hệ thống thu gom, đầu nối nước thải tại khu chăn nuôi số 3 và khu chăn nuôi số 4 về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm đã đầu tư xây dựng để xử lý.

- Lắp đặt hệ thống xử lý mùi hôi, khí thải tại các chuồng nuôi của mỗi khu chăn nuôi (khu chăn nuôi số 1, khu chăn nuôi số 2, khu chăn nuôi số 3 và khu chăn nuôi số 4).

- Đầu tư bổ sung nhà ép phân, nhà chứa phân, nhà vệ sinh công cộng tại mỗi khu chăn nuôi (khu chăn nuôi số 1, khu chăn nuôi số 2, khu chăn nuôi số 3 và khu chăn nuôi số 4).

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

2.1. Công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Công nhân thi công sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu và nhà vệ sinh di động (10 nhà vệ sinh). Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh tại khu vực văn phòng và khu nhà vệ sinh chung cho công nhân được thu gom xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn, bể tách dầu mỡ để xử lý sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm đã đầu tư xây dựng để xử lý. Nước thải nhà vệ sinh di động được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh tại khu vực văn phòng và khu nhà vệ sinh chung cho công nhân tại các khu chăn nuôi số 1, 2, 3 và 4 được xử lý qua bể tự hoại (02 bể thể tích 4 m³/bể tại khu chăn nuôi số 1; 02 bể thể tích 4 m³/bể tại khu chăn nuôi số 2; 02 bể thể tích 4 m³/bể tại khu chăn nuôi số 3; 02 bể thể tích 4 m³/bể tại khu chăn nuôi số 4); nước thải nhà ăn được xử lý bằng bể tách dầu mỡ bằng Inox dung tích 350 lít, kích thước 1,0 m x 0,6 m x 0,5 m để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của mỗi khu chăn nuôi. Quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của mỗi khu chăn nuôi → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống thoát nước thải → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của mỗi khu chăn nuôi → Tuần hoàn tái sử dụng.

+ Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu mỡ ngăn → Hệ thống thoát nước thải → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của mỗi khu chăn nuôi → Tuần hoàn tái sử dụng.

- Nước thải chăn nuôi tại khu chăn nuôi số 1: Nước tiểu của lợn và nước rửa chuồng được thu gom bằng hệ thống cào phân tự động về hố thu gom phân để tách phân và nước thải. Nước thải sau khi tách phân bằng máy tách phân

được dẫn vào hầm biogas phủ bạt HDPE trước khi bơm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày.đêm. Quy trình công nghệ:

+ Nước thải → Hồ thu gom phân và nước thải → Máy tách phân → Hầm biogas HDPE thể tích 5.025 m³ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể phản ứng keo tụ → Bể lắng → Bể chứa và khử trùng → Bể Wetland → hồ sinh thái → Tuần hoàn, tái sử dụng 100%.

- Nước thải chăn nuôi tại khu chăn nuôi số 2: Nước tiểu của lợn và nước rửa chuồng được thu gom bằng hệ thống cào phân tự động về hồ thu gom phân để tách phân và nước thải. Nước thải sau khi tách phân bằng máy tách phân được dẫn vào hầm biogas phủ bạt HDPE trước khi bơm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 130 m³/ngày.đêm. Quy trình công nghệ:

+ Nước thải → Hồ thu gom phân và nước thải → Máy tách phân → Hầm biogas HDPE thể tích 5.184 m³ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể phản ứng keo tụ → Bể lắng → Bể chứa và khử trùng → Bể Wetland → hồ sinh thái → Tuần hoàn, tái sử dụng 100%.

- Nước thải chăn nuôi tại khu chăn nuôi số 3 và 4: Nước tiểu của lợn và nước rửa chuồng được thu gom bằng hệ thống cào phân tự động về hồ thu gom phân để tách phân và nước thải. Nước thải sau khi tách phân bằng máy tách phân được dẫn vào hầm biogas phủ bạt HDPE trước khi bơm về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm đã xây dựng. Quy trình công nghệ:

+ Nước thải → Hồ thu gom phân và nước thải tại mỗi khu → Máy tách phân tại mỗi khu → Hầm biogas HDPE số 1 và 2 tổng thể tích 16.500 m³ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm đã xây dựng → Tuần hoàn, tái sử dụng 100%.

- Tiếp tục sử dụng công trình thu gom xử lý nước thải sinh hoạt cho khu chăn nuôi số 5 và số 6 gồm 06 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích mỗi bể 4,0 m³/bể), nước thải nhà ăn được xử lý tại 01 bể tách dầu mỡ bằng Inox (dung tích 350 lít) để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm đã xây dựng. Quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của khu chăn nuôi số 5, 6 → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống thoát nước thải → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm → Tuần hoàn tái sử dụng.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 650 m³/ngày.đêm đã xây dựng để xử lý nước thải chuồng trại của khu 3, khu 4, khu 5 và khu 6. Quy trình công nghệ:

Nước thải → Hồ thu gom phân và nước thải → Máy tách phân → Bể tuyển nổi → Hầm biogas HDPE → Bể điều tiết → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Bể lắng rãnh răng cưa → Bể phản ứng

1/2 → Bể phản ứng kéo dài → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng lamen → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải → Tuần hoàn, tái sử dụng 100%.

- Nước thải từ hệ thống làm mát chuồng nuôi được tuần hoàn tái sử dụng.
- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác lợn chết được thu gom về 01 bể lắng 2,0 m³ để lắng cặn và được tuần hoàn tái sử dụng.

2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình thực hiện dự án. Nước thải sau xử lý tại các hệ thống xử lý tập trung đảm bảo yêu cầu theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, hệ số $k_q = 0,6$; $k_f = 0,9$ và tuần hoàn tái sử dụng, không được xả nước thải ra môi trường dưới mọi hình thức.

2.2. Về xử lý bụi, khí thải và mùi hôi:

2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.
- Phun tưới nước giảm bụi tại các khu vực phát sinh nhiều bụi, các tuyến đường đi qua khu dân cư dọc tuyến đường thành phố Hồ Chí Minh trong vòng bán kính 1 km.

- Quây tường rào tôn khu vực được thi công với chiều cao 2,5 m; các xe vận chuyển phải được phủ kín bạt.

- Thực hiện công tác khử khuẩn cho công nhân làm việc ra vào trang trại.

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Trộn thêm chế phẩm men vi sinh: chế phẩm EM Effective Microorganisms vào thức ăn và nước uống của lợn;

- Bố trí xây dựng mới buồng xử lý mùi hôi, khí thải sau mỗi chuồng nuôi tại các khu chăn nuôi (khu 1, khu 2, khu 3 và khu 4). Bên trong buồng xử lý mùi hôi, khí thải lắp đặt hệ thống dàn phun mưa bằng các ống nhựa PVC đường kính 21mm cách 0,4 m đặt một ống có đục lỗ tạo hạt sương;

- Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý mùi hôi, khí thải tại mỗi chuồng nuôi tại khu chăn nuôi số 5 và số 6. Bố trí lắp đặt bô sung lưới chắn mùi, khí thải sau mỗi chuồng nuôi đảm bảo thời gian và hiệu quả xử lý của chế phẩm sinh học.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chuồng nuôi, khu vực xử lý khí thải và khu vực đất còn trống của trang trại để tạo bóng mát, điều hòa không khí, đồng thời hạn chế mùi hôi phát tán ra môi trường; thường xuyên vệ sinh chuồng trại, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải tránh ứ đọng trong chuồng nuôi với tần suất 02 lần/ngày.

- Tăng cường chế phẩm khử mùi trong và xung quanh khu ủ phân, khu ép phân, hệ thống xử nước thải; định kỳ hút bùn cặn trong hầm Biogas và ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa và xử lý nước thải.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý khí thải lò đốt lợn chết. Quy trình công nghệ: Khí thải từ lò đốt → Quạt hút → Bồn hấp thụ → Ống thoát khí. Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 30:2012/BTNMT (Cột B)- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn công nghiệp.

- Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý khí thải máy phát điện. Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1,0 và Kv = 1,4).

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, quản lý chất thải rắn thông thường

2.3.1. Giai đoạn thi công

- Trang bị 04 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 20 lít tại vị trí lán trại của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Sau đó hợp đồng với tổ môi trường địa phương thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày theo quy định.

- Đất đào được sử dụng để tôn cao nền, san gạt tạo mặt bằng khu vực dự án; đất đá thải, gạch, ... được thu gom và tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại khu vực trang trại; chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị 04 thùng đựng rác có thể tích 50 lít tại khu vực văn phòng và 06 thùng rác 30 lít tại các khu chăn nuôi số 1, số 2, số 3 và số 4; tiếp tục sử dụng các thùng chứa rác tại khu chăn nuôi số 5 và số 6 để thu gom rác thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân. Rác thải sinh hoạt được tập kết gần khu vực cống vào dự án có diện tích 12,0m²; đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn.

+ Hợp đồng với tổ môi trường địa phương thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày theo quy định.

- Chai lọ đựng hóa chất khử trùng; thuốc thú y được thu gom về kho chứa chất thải của mỗi khu chăn nuôi sau đó trả lại cho Công ty cung cấp;

- Thức ăn rơi vãi ra nền chuồng sẽ theo nước vệ sinh vào bể thu phân; hỗn hợp phân và nước thải được bơm qua máy ép phân để tách phân và nước thải;

- Đầu tư mới máy ép phân và nhà chứa phân tại mỗi khu chăn nuôi (khu chăn nuôi số 1, 2, 3 và 4) để ép phân tách nước thải trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý; tiếp tục sử dụng 03 máy ép phân và 02 nhà chứa phân hiện có tại khu chăn nuôi số 5 và 6.

- Bùn cặn từ hầm Biogas: Dùng chế phẩm vi sinh hoà nước đổ vào đường nạp phân 06 - 12 tháng một lần.

- Đối với lợn ốm chết:

+ Bố trí khu vực chuồng cách ly xa khu vực chăn nuôi lợn khỏe mạnh, rải vôi bột và phun thuốc khử trùng tránh làm lây lan dịch bệnh sang các con khỏe.

+ Sử dụng lò đốt lợn chết hiện trạng để xử lý đảm bảo quy định.

- Chuyển giao và xử lý chất thải:

+ Việc sử dụng phân thải chuồng trại và bùn thải từ hệ thống biogas, hệ thống xử lý nước thải làm phân bón phải tuân thủ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.4. Công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại

- Đầu tư mới thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 50 lít tại các khu chăn nuôi số 1, số 2, số 3 và số 4; tiếp tục sử dụng thùng lưu chứa dung tích 120 lít.

- Xây dựng 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích 28,4m²; kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng; khu vực để chất thải nguy hại sẽ được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các máy móc, phương tiện thi công phù hợp và được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Bố trí thời gian thi công hợp lý; che chắn xung quanh khu vực thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Sử dụng các phương tiện, máy móc, thiết bị phù hợp và được bảo dưỡng, bảo trì định kỳ để đảm bảo các yêu cầu trong quá trình thực hiện dự án.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân. Khoảng cách đến các công trình trên tối thiểu là 10m.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị xử lý; tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Tiếp tục sử dụng hạng mục công trình hồ sự cố hiện trạng để phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 650 m³/ngày.đêm (khu chăn nuôi số 3, 4, 5 và 6)

+ Đầu tư mới hạng mục công trình phòng ngừa sự cố môi trường cho hệ thống xử lý nước thải tại khu chăn nuôi số 1 và số 2.

+ Trang bị bổ sung các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng và thiết bị. Thường xuyên kiểm tra đường ống nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố trong hệ thống xử lý nước thải.

+ Trang bị thiết bị theo dõi, báo khí biogas tự động và xả khí biogas tự động đối với hầm biogas phủ bạt.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Thực hiện phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố lợn chết do dịch bệnh: Kịp thời báo ngay cho cán bộ thú y tại địa phương và các cơ quan chức năng để có hướng ngăn chặn dịch bệnh; bố trí hố chôn lợn chết đúng theo tiêu chuẩn và quy định vệ sinh tại QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTN: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng toàn bộ dự án, Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án, báo cáo UBND tỉnh Thanh Hóa để được xem xét cấp giấy phép môi trường. Chỉ được vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho Khu chăn nuôi số 1, khu chăn nuôi số 2, khu chăn nuôi số 3 và khu chăn nuôi số 4 sau khi được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp giấy phép môi trường theo quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc giải pháp xử lý mùi hôi chuồng trại đã được đầu tư tại khu 5 và 6, quy trình xử lý như sau:

- Khí thải (mùi) từ chuồng nuôi → Hệ thống các quạt hút → Hệ thống xử lý mùi cuối chuồng nuôi → Hồ chứa nước thải

- Các thiết bị chính: 02 bộ máy bơm nước công suất 0,37kW kèm theo phao báo mức; Bồn đựng nước pha chế phẩm: 2 bồn có dung tích 3,0 m³/bồn; Đường ống PVC D21mm dài 350m có gắn các píp phun.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm khử mùi EM.

- Bố trí lắp đặt bổ sung lưới chắn mùi, khí thải sau mỗi chuồng nuôi đảm bảo thời gian và hiệu quả xử lý của chế phẩm sinh học; thời gian hoàn thành nội dung này trước 30/12/2022.

3. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.